TOÀ ÁN NHÂN DÂN **MỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN MỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Quýnh

2. Bà Bùi Thị Quy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Toà án nhân dân Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 *"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/05/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/05/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mạc Thị Quỳnh N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Tè, xã H, Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn L, xã H, Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chị N và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Mạc Thị Quỳnh N trình bày: Chị Mạc Thị Quỳnh N và anh Phạm Đình T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày 09/01/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình anh T. Năm 2015, anh chị cùng đi Đài Loan lao động. Thời gian ở bên Đài Loan, anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thường bất đồng

quan điểm. Anh T về Việt Nam trước chị N khoảng 02 năm. Từ khoảng tháng 01 năm 2022, anh chị đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tháng 03 năm 2023, chị N về Việt Nam và về chung sống cùng anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh chị vẫn tiếp tục có mâu thuẫn không thể hòa giải được. Gia đình hai bên đã kMên nhủ, hòa giải cho anh chị nhiều lần Nng không có kết quả. Giữa tháng 04 năm 2023, chị N mang con về nhà mẹ đẻ và sống ly thân anh T. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Chị đề N1 được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Gia M, sinh ngày 15/10/2014 và đang ở cùng chị N, cuối tuần cháu về ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị đề N1 Tòa án tiếp tục giao cháu M cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm phiên dịch cho 01 công ty ở Khu công nghiệp Nam Sách, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng. Hai mẹ con chị hiện đang ở cùng nhà với mẹ đẻ chị. Mẹ đẻ chị tạo điều kiện để hai mẹ con có chỗ ở lâu dài và ổn định.

Về tài sản chung, công sức, nợ và cho nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án đã triệu tập bị đơn là Phạm Đình T nhiều lần Nng anh T không đến Tòa án làm việc và từ chối trình bày quan điểm.

Người làm chứng:

Ông Phạm Đình N1 trình bày: Anh T và chị N kết hôn xong thì chung sống cùng nhau tại nhà của gia đình ông. Do muốn làm kinh tế nên anh chị đi Đài Loan làm ăn, để con cho ông bà chăm sóc giúp. Anh T về Việt Nam trước. Chị N về Việt Nam đầu năm 2023 và chỉ ở nhà ông 03 ngày thì vợ chồng giận nhau, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Ông đã sang nhà gặp và kMên nhủ chị N Nng chị kiên quyết xin ly hôn anh T. Ông cố gắng hòa giải cho vợ chồng, kMên anh T bỏ qua tất cả vì con cái. Quan điểm của anh T không muốn ly hôn chị N. Ông mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu M. Nếu vợ chồng ly hôn, cháu M muốn ở với ai, đề N1 Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu. Anh T hiện làm công nhân và vẫn đang ở cùng nhà với ông N1.

Bà Hoàng Thị N2 trình bày: Sau khi kết hôn, chị N và anh T không có mâu thuẫn gì. Năm 2015, anh T và chị N cùng sang Đài Loan làm ăn. Bà được chị N cho biết, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Sau khi anh chị về

Việt Nam, chị N vẫn cố gắng sống cùng anh T Nng vợ chồng tiếp tục có mâu thuẫn vì anh T cho rằng chị N không rõ ràng về kinh tế, không có tiền mang về cho gia đình. Chị N không chịu được nên đã mang con về ở cùng bà N2 từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Anh T không quan tâm, không đến đón chị N về lần nào. Anh T nhiều lần nói với bà là anh T sẽ bỏ chị N. Nay chị N xin ly hôn, bà đề N1 Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu anh chị ly hôn, đề N1 Tòa án giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng. Bà tạo điều kiện để mẹ con chị N có chỗ ở ổn định và trông nom cháu M giúp khi chị N bận công việc.

Kết quả xác minh tại địa phương:

Anh T và chị N kết hôn xong thì chung sống cùng nhau tại nhà ông N1 (bố đẻ anh T). Một thời gian sau, vợ chồng cùng đi Đài Loan làm ăn. Anh T về Việt Nam trước, chị N về Việt Nam đầu năm 2023 và có về nhà ông N1 ở được một thời gian thì bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân anh T đến nay. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm được. Bố mẹ anh T đã nhiều lần kMên nhủ, hòa giải cho anh chị Nng chị N không thay đổi quan điểm. Anh T không muốn ly hôn. Đề N1 Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ cùng nhau. Nếu không được, đề N1 Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 01 con chung là cháu M đang ở cùng chị N và bà ngoại. Chị N làm công ty. Anh T làm tự do và đang sống cùng ông N1.

Công an xã H cung cấp: Anh Phạm Đình T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Hiện tại anh T vẫn thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại phiên toà, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Mện Nam Sách tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử N1 án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

* *Hướng giải quyết vụ án:* Đề N1 Hội đồng xét xử áp dụng Khoảng 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; N1 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Mạc Thị Quỳnh N về việc ly hôn với anh Phạm Đình T. Về con chung: Giao con chung là Phạm Gia M, sinh ngày

15/10/2014 cho chị N nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mạc Thị Quỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Anh Phạm Đình T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn L, xã H, Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N có đơn đề N1 xét xử vắng mặt. Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh Phạm Đình T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày 09/01/2014. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình anh T. Sau đó, anh chị cùng đi Đài Loan lao động. Thời gian ở bên Đài Loan, anh chị đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị có nhiều bất đồng quan điểm. Sau khi anh chị về Việt Nam, anh chị tiếp tục có mâu thuẫn. Chị N đã về sống cùng mẹ đẻ và ly thân anh T từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Gia đình hai bên đã kMên nhủ, hòa giải cho anh chị nhiều lần Nng không có kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án Nng không đến làm việc, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập và từ chối trình bày quan điểm. Điều đó chứng tỏ anh T không tha thiết tìm biện pháp cải thiện mẫu thuẫn vợ chồng, không thực sự thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy chị N và anh T không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Gia M, sinh ngày 15/10/2014. Cháu M đang ở với chị N, cuối tuần cháu về ở cùng anh T. Cháu M có nguyện vọng sống cùng chị N khi anh chị ly hôn.

Hội đòng xét xử thấy: Chị N và anh T có nơi ở, có công việc và thu nhập, có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cần tiếp tục giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; N1 quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị Quỳnh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị Quỳnh N ly hôn anh Phạm Đình T.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là Phạm Gia M, sinh ngày 15/10/2014 cho chị Mạc Thị Quỳnh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở Nng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị Quỳnh N phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001306 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Mện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mạc Thị Quỳnh N và anh Phạm Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND Mện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự Mện Nam Sách;
- UBND xã H (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Quýnh **Bùi Thị Quy** **Phạm Thúy Hằng**